

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 847/2023/HC-ST
Ngày: 01/6/2023
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thanh Xuân

2/ Bà Phạm Thị Hồng Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Bá Thu Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 5 và ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án
nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý
số 307/2022/TLST-HC ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định
hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1798/2023/QĐXXST-HC ngày
25 tháng 4 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 6557/2023/QĐ-ST-HC
ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Đôn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 282R11, khu phố B, phường L, Thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: 155 N, phường L, thành phố T, Thành phố H.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H;

Địa chỉ: Số đường 86 L, phường B, Quận M, Thành phố H.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T;

3. Ủy ban nhân dân thành phố T.

Cùng địa chỉ: 168 T, phường T, thành phố T, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Hồ Thanh P - Phó trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T.
2. Ông Trương Văn T - Phó Trưởng phòng Tiếp dân TTVD & GQKNTC thuộc Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Thành phố T.
3. Ông Huỳnh T - Nhân viên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 17/8/2022 và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện là ông Lê Đôn T trình bày:

Năm 2002, phần đất diện tích 147m² bị thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố tại phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9 (nay là Thành phố T), vị trí đất thuộc một phần thửa 568, tờ bản đồ số 7 (Tài liệu 02/CT-UB) tại địa chỉ nhà không số , tổ 6, ấp Mỹ Thành, phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố T, Thành phố H có nguồn gốc đất do gia đình ông Nguyễn Văn Đại sử dụng từ trước năm 1975. Đến tháng 9/1999, ông Đại sang nhượng lại cho ông Lê Đôn A (cha ông Lê Đôn T). Tháng 12/1999, ông Lê Đôn A xây dựng nhà ở trên đất, nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận.

Ngày 11 tháng 3 năm 2009, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 480/QĐ-UBND-BBT về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Lê Đôn A với tổng số tiền là 117.502.000 đồng, hộ ông Lê Đôn A đủ điều kiện mua 01 căn hộ chung cư theo giá bảo toàn vốn.

Ngày 17 tháng 7 năm 2009, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 1593/QĐ-UBND-BBT về việc điều chỉnh tên chủ sử dụng là ông Lê Đôn T do ông Lê Đôn A chết, những người trong hàng thừa kế có giấy ưng thuận cho ông Lê Đôn T đứng tên quyết định bồi thường.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 553/QĐ-UBND về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Lê Đôn T với tổng số tiền là 993.660.641 đồng. Không đồng ý, ông T khiếu nại.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 2205/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung không công nhận khiếu nại. Không đồng ý, ông T khiếu nại.

Ngày 07/02/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 398/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 02/6/2021.

Ông Lê Đôn T nhận thấy các Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 9, Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 02

tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H là không đúng quy định pháp luật, gây ảnh hưởng quyền lợi của gia đình ông T, cụ thể như sau:

- Gia đình ông Lê Đôn T sử dụng phần diện tích nhà đất ổn định và liên tục từ năm 1999 đến nay không bị bất cứ cơ quan nào thông báo hoặc xử lý về việc lấn chiếm đất, xử phạt xây dựng nhà, gia đình ông T thực hiện nghĩa vụ đóng thuế hàng năm.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì nhà đất của ông T đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên không có thời gian và điều kiện thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù vậy theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, phần nhà đất của ông T vẫn đủ điều kiện bồi thường 100% đơn giá đất ở theo giá thị trường. Nhưng Ủy ban nhân dân thành phố T áp giá bồi thường quá thấp không đủ để gia đình ông T tạo dựng chỗ ở mới.

- Toàn bộ nhà, đất nêu trên bị thu hồi là nhà ở, đất ở duy nhất của gia đình ông T nên theo quy định tại Điều 86 Luật Đất đai năm 2013 thì ông T đủ điều kiện được bố trí nền tái định cư, Ủy ban nhân dân thành phố T chỉ bố trí cho gia đình ông T căn hộ chung cư theo giá bảo toàn vốn là không phù hợp với giá trị nhà đất của ông T.

- Theo Kết luận của Thủ tướng chính phủ tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17/8/2017 của Văn phòng Chính phủ, ranh quy hoạch Dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố tại phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9 có diện tích 40,997ha. Trong đó, phần nhà đất của ông T nằm trong ranh quy hoạch chỉ có diện tích 4m², phần nhà đất còn lại 143m² không thuộc ranh quy hoạch Dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố tại phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9 mà thuộc ranh quy hoạch đường vành đai 3 vẫn chưa thực hiện. Nay phần đất 143m² của ông T nêu trên vẫn đang bỏ trống, chưa thực hiện dự án nào, nên việc nhà nước thu hồi đất làm cho gia đình ông T không có chỗ ở ổn định, cuộc sống khó khăn.

Với những lý do nêu trên, ông Lê Đôn T yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H hủy các quyết định gồm: Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T. Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Lê Đôn T đối với toàn bộ nhà và đất tại thửa đất số 568, tờ bản đồ số 7 (Tài liệu 02/CT-UB), tọa lạc tại: Nhà không số, tổ 6, ấp Mỹ Thành, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố T bằng đơn giá đất ở theo giá thị trường và hỗ trợ 01 nền tái định cư.

* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có ý kiến trình bày tại Văn bản số 647/UBND-NCPC ngày 27/02/2023:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H nhận thấy việc ban hành Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đôn T là đúng quy định pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 và bác đơn khởi kiện của ông Lê Đôn T.

* Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T có ý kiến trình bày tại Văn bản số 2372/UBND-BBT ngày 13/5/2023 và Văn bản số 932/UBND-BBT ngày 13/3/2023:

Nguồn gốc nhà, đất: Phần nhà, đất diện tích 147m² tọa lạc tại vị trí thuộc một phần thửa 568 tờ bản đồ số 7 (theo tài liệu 02/CT-UB) tại phường Long Thạnh Mỹ nằm trong phạm vi giải tỏa dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao tại Quận 9, Thành phố H.

Ngày 20 tháng 9 năm 2006, Tổ công tác tiến hành kiểm kê nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất của hộ ông Lê Đôn A. Ngày 03 tháng 11 năm 2006, Hội đồng xét nguồn gốc đất phường Long Thạnh Mỹ đã họp và trích kết luận: “Thống nhất nguồn gốc đất. Hiện không có tranh chấp. Ông Lê Đôn A là chủ sử dụng. Tháng 9/1999 mua đất của ông Nguyễn Văn Đại, đến tháng 12/1999 xây dựng nhà và đăng ký tạm trú cho đến nay. Bổ sung giấy cam kết không tranh chấp có xác nhận chữ ký của ông Nguyễn Văn Đại. Diện tích trong dự án: 147m².”.

Ngày 11 tháng 3 năm 2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 480/QĐ-UBND-BBT về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Lê Đôn A kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 27 tháng 02 năm 2009. Trong đó, bồi thường 100m² đất ở không mặt tiền đường Lê Văn Việt với đơn giá 720.000đ/m² (-100% TSDĐ); bồi thường 47m² đất trồng cây lâu năm với đơn giá 200.000đ/m²; bồi thường nhà, vật kiến trúc khác, cây trồng, các khoản hỗ trợ khác và hỗ trợ 47m² đất nông nghiệp với đơn giá 160.000đ/m². Hộ ông Lê Đôn A đủ điều kiện mua 01 căn hộ chung cư theo giá bảo toàn vốn. Hộ ông Lê Đôn A đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 17 tháng 7 năm 2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 1593/QĐ-UBND-BBT về việc điều chỉnh tên chủ sử dụng trong Quyết định số 480/QĐ-UBND-BBT ngày 11 tháng 3 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 (Điều chỉnh từ “hộ ông Lê Đôn A” thành “hộ ông Lê Đôn T”).

Ngày 21 tháng 3 năm 2011, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng ban hành Giấy xác nhận số 25/GXN-BBT cho hộ ông Lê Đôn T đã bốc thăm vào căn hộ số C501 (tầng 05) chung cư C3, phường Hiệp Phú, Quận 9.

Ngày 29 tháng 7 năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 1341/QĐ-UBND-BBT về việc công bố giá trị hỗ trợ đất ở cho ông Lê Đôn T kèm Bảng tính bổ sung giá trị hỗ trợ đất ở ngày 22 tháng 7 năm 2011. Trong đó, hỗ trợ giá trị đất ở diện tích 25,20m² với đơn giá 1.800.000đ/m². Ngày 01 tháng 9 năm 2011, hộ ông Lê Đôn T đã nhận tiền hỗ trợ.

Ngày 17 tháng 8 năm 2011, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng ban hành Biên bản số 149/BBGNCC-BBT bàn giao căn hộ chung cư cho ông Nguyễn Văn Cường (đại diện theo ủy quyền của ông Lê Đôn T).

Ngày 30 tháng 8 năm 2011, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 1589/QĐ-UBND-BBT về việc công bố khen thưởng của ông Lê Đôn T kèm Bảng chiết tính khen thưởng ngày 26 tháng 8 năm 2011 với mức hỗ trợ 5.000.000đồng/hộ.

Ngày 04 tháng 10 năm 2013, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 1557/QĐ-UBND-BBT về việc công bố giá trị hỗ trợ đất ở bổ sung của ông Lê Đôn T kèm Bảng tính bổ sung giá trị hỗ trợ đất ở ngày 27 tháng 9 năm 2013. Trong đó, bổ sung giá trị đất ở diện tích 0,20m² với đơn giá 1.800.000đồng/m².

Ngày 03 tháng 12 năm 2020, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 553/QĐ-UBND về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Lê Đôn T đại diện đứng tên hồ sơ hộ ông Lê Đôn A (ông Lê Đôn A đã chết) bị thu hồi đất thuộc phần đất diện tích 40,997^{ha} nằm trong ranh quy hoạch dự án Khu Công nghệ cao Thành phố, kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 30 tháng 11 năm 2020. Ngày 09 tháng 02 năm 2021, ông Lê Đôn T đã nhận tiền.

Không đồng ý với Quyết định nêu trên, ông Lê Đôn T đã nộp đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T. Ngày 02 tháng 6 năm 2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 2205/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đôn T (lần đầu).

Ông Lê Đôn T không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên nên tiếp tục nộp đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H. Ngày 07 tháng 02 năm 2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 398/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của ông Lê Đôn T (đại diện các đồng thừa kế của ông Lê Đôn A), thành phố T (lần hai).

Về chính sách tái định cư:

Ngày 11 tháng 3 năm 2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 480/QĐ-UBND-BBT về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Lê Đôn A kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 27 tháng 02 năm 2009. Hộ ông Lê Đôn A đủ điều kiện mua 01 căn hộ chung cư theo giá bảo toàn vốn.

Ngày 17 tháng 7 năm 2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 1593/QĐ-UBND-BBT về việc điều chỉnh tên chủ sử dụng trong Quyết định số 480/QĐ-UBND-BBT ngày 11 tháng 3 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 (Điều chỉnh từ “hộ ông Lê Đôn A” thành “hộ ông Lê Đôn T”).

Ngày 21 tháng 3 năm 2011, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng ban hành Giấy xác nhận số 25/GXN-BBT cho hộ ông Lê Đôn T đã bóc thăm vào căn hộ số C501 (tầng 05) chung cư C3, phường Hiệp Phú, Quận 9.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, Ủy ban nhân dân Quận 9 đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNỞ và tài sản gắn liền với đất căn hộ chung cư số 5.01 lô C, chung cư C3 phường Hiệp Phú, Quận 9 cho hộ ông Lê Đôn T (Giấy chứng nhận số CK 204698 - số vào sổ cấp GCN: CH 03788).

Không đồng ý với các Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là thành phố T), Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H, ông Lê Đôn T đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố H.

Về căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 2666/QĐ-UB ngày 27/6/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố;

- Quyết định số 2193/QĐ-UB ngày 19/5/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc thu hồi, giao đất bổ sung và xác định tổng diện tích đất giao cho Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố. Theo đó, vị trí, ranh giới được xác định tại Bản đồ hiện trạng, vị trí được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt số 18426/GĐ-TNMT ngày 22 tháng 4 năm 2002.

Về áp dụng chính sách: Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và các văn bản liên quan trong từng thời điểm. Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành các quyết định thực hiện chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và trong quá trình thực hiện luôn chú trọng xem xét yêu cầu thực tiễn để điều chỉnh, bổ sung, hỗ trợ nhằm giúp người dân nằm trong phạm vi giải tỏa di dời ổn định đời sống, đẩy nhanh tiến độ thu hồi mặt bằng. Cụ thể bằng các quyết định và văn bản Quyết định số 121/2002/QĐ-UB ngày 01 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố tại Quận 9, Thành phố H; Thông báo số 247/TB-VP ngày 11 tháng 6 năm 2004 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố H về nội dung kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H tại buổi họp giải quyết các vấn đề liên quan đến tiến độ xây dựng các dự án tái định

cư, giải phóng mặt bằng và các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu ở dự án Khu Công nghệ cao Thành phố H; Công văn số 3194/UBND-ĐTMT ngày 29/5/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết kiến nghị của Ủy ban nhân dân Quận 9 trong khu quy hoạch xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố tại Quận 9; Công văn số 2380/QĐ-UB ngày 16/4/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố tại Quận 9; Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ ban hành về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình về giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến dự án Khu Công nghệ cao Thành phố H; Quyết định số 4624/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt đơn giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với phần diện tích 40,997^{ha} nằm trong ranh Khu Công nghệ cao Quận 9; Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt đơn giá đất ở các vị trí hẻm còn lại để tính bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 40,997^{ha} nằm trong ranh quy hoạch Khu Công nghệ cao Quận 9; Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bị thu hồi đất thuộc phần diện tích 40,997^{ha} nằm trong ranh Khu Công nghệ cao theo kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ.

Về nội dung yêu cầu của người khởi kiện:

Ông Lê Đôn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H hủy các Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận 9, Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, Tổ Công tác được thành lập theo Quyết định số 302/QĐUBND của Ủy ban nhân dân Quận 9 tiến hành lập Biên bản về việc xác định vị trí, diện tích, loại đất và tài sản trên đất của hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị thu hồi đất thuộc phần diện tích 40,997^{ha} nằm trong ranh Khu Công nghệ cao tại Quận 9, Thành phố H với ông Lê Đôn T.

Trên cơ sở bản đồ vị trí số 22162/TTĐĐBĐ-CNTĐ do Trung tâm Đo đạc bản đồ lập trên nền tài liệu Bản đồ lập theo Chỉ thị 02/CT-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt ngày 04 tháng 12 năm 2018, Tổ Công tác và ông Lê Đôn T đã xác định cụ thể như sau:

Phần diện tích bị ảnh hưởng trong khu vực 40,997^{ha} đối với hộ ông Lê Đôn T có diện tích: 143,8m² thuộc một phần thửa 568, tờ bản đồ số 7 (theo Tài liệu 02/CT-UB) tại phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9 (nay là thành phố T), gồm:

- Đất ở cấp hẻm còn lại, vị trí 3 đường Lê Văn Việt: 100m².

- Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm không mặt tiền đường Lê Văn Việt: 43,8m².

- Vật kiến trúc khác và cây trồng trên phần diện tích 143,8m² khu vực 40,997^{ha} nằm trong ranh Khu Công nghệ cao.

Cơ sở để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và ban hành Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận 9:

- Về đơn giá bồi thường đất ở hẻm còn lại, vị trí 3 đường Lê Văn Việt: căn cứ tại khoản 1, Điều 1 Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố H (STT: 05) với đơn giá 4.510.000đ/m².

- Về đơn giá bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm không mặt tiền đường Lê Văn Việt: căn cứ tại mục II, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 4624/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H (STT: 03) với đơn giá 833.000đ/m².

- Về đơn giá bán căn hộ chung cư phục vụ tái định cư của tầng 7, 8 của Chung cư C3, C4 đường Man Thiện phường Hiệp Phú: căn cứ khoản 4, mục I, Điều 1 Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H với đơn giá 4.601.000đ/m² (đã có 10% VAT và 5% phí quản lý duy tu - thời điểm tháng 4 năm 2007).

- Về hỗ trợ lãi suất ngân hàng và chậm chi trả: căn cứ mục V, Điều 1 Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Cơ sở để ban hành Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T:

Hộ ông Lê Đôn T khiếu nại yêu cầu tái định cư nền đất, vì vậy ngày 02 tháng 6 năm 2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 2205/QĐ-UBND trên cơ sở được quy định tại điểm 6 Thông báo số 247/TB-VP ngày 11 tháng 6 năm 2004 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố H nêu:

“6. Đối với đất ở sử dụng ổn định từ ngày 15 tháng 11 năm 1993 đến trước ngày 22 tháng 4 năm 2004 (mốc thời gian theo quy định được duyệt) không có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng, đất có nguồn gốc không lấn chiếm, không tranh chấp, không vi phạm quy hoạch, lộ giới, hành lang bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật ... chỉ được hỗ trợ thiệt hại. Như vậy đối với các trường hợp này không đủ điều kiện để tái định cư, nhưng nếu có yêu cầu để ở được xem xét giải quyết như sau:

- Đối với hộ có hộ khẩu thành phố hoặc diện KT3 (nhưng có hộ khẩu gốc thành phố) thì được giải quyết cho mua 01 căn hộ chung cư theo giá tái định cư.

- Đối với các hộ không có hộ khẩu gốc thành phố giải quyết cho mua 01 căn hộ chung cư theo giá bảo toàn vốn.”.

Do đó, trường hợp của hộ ông Lê Đôn T được giải quyết mua 01 căn hộ chung cư theo giá bảo toàn vốn là phù hợp quy định.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020, và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2021 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2022 đối với ông Lê Đôn T là đúng theo trình tự, thủ tục, chính sách và phù hợp theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H vẫn giữ nguyên các Quyết định nêu trên.

Tại phiên tòa:

* *Người khởi kiện là ông Lê Đôn T trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có ông Hồ Thanh Phong, ông Trương Văn Thuận, ông Huỳnh Tiến trình bày:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Ủy ban nhân dân thành phố T vẫn giữ nguyên các quyết định gồm: Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T. Ủy ban nhân dân thành phố T đã thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Lê Đôn T đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố H bác yêu cầu khiếu kiện của ông Lê Đôn T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính: Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân

dân Thành phố H; Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T là các quyết định hành chính bị kiện. Ngày 07/02/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 398/QĐ-UBND. Ngày 17/8/2022, ông Lê Đôn T khởi kiện vụ án hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32; Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đôn T:

Ngày 11/3/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) ban hành Quyết định số 480/QĐ-UBND-BBT về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Lê Đôn A. Ngày 17/7/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 1593/QĐ-UBND-BBT về việc điều chỉnh tên chủ sử dụng trong Quyết định số 480/QĐ-UBND-BBT ngày 11 tháng 3 năm 2009 từ hộ ông Lê Đôn A thành hộ ông Lê Đôn T. Ngày 03/12/2020, Ủy ban nhân dân quận 9 ban hành Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Lê Đôn T. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân quận 9 ban hành Quyết định số 480/QĐ-UBND-BBT ngày 11/3/2009 và Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 là đúng quy định của Luật đất đai.

Không đồng ý Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân quận 9, ông Lê Đôn T khiếu nại. Ngày 02/6/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 9 ban hành Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đôn T. Ông Lê Đôn T tiếp tục khiếu nại, ngày 07/02/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 là đúng theo quy định tại Điều 18, Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011. Hội đồng xét xử nhận thấy phía ông Lê Đôn T không có yêu cầu khởi kiện Quyết định số 480/QĐ-UBND-BBT ngày 11/3/2009, nhưng có yêu cầu xem xét Quyết định số 480/QĐ-UBND-BBT ngày 11/3/2009 và buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Lê Đôn T toàn bộ diện tích nhà, đất theo đơn giá đất ở theo giá thị trường và hỗ trợ 01 nền tái định cư nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần xem xét quyết định nêu trên vì là quyết định hành chính có liên quan, đây là quyết định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Phần nhà, đất diện tích 147m² tọa lạc tại vị trí thuộc một phần thửa 568 tờ bản đồ số 7 (theo tài liệu 02/CT-UB) tại phường Long Thạnh Mỹ nằm trong phạm vi giải tỏa dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao tại Quận 9, Thành phố H theo Quyết định số 2666/QĐ-UB ngày 27/6/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố và Quyết định số 2193/QĐ-UB ngày 19/5/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc thu hồi, giao đất bổ sung và xác định tổng diện tích đất giao cho Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố.

Tại Biên bản trích kết luận cuộc họp Hội đồng xét nguồn gốc đất phường Long Thạnh Mỹ đã họp ngày 03/11/2006 cho thấy nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: ông Lê Đôn A là chủ sử dụng. Tháng 9/1999, ông Nguyễn Văn Đại sang nhượng đất cho ông Lê Đôn A, tháng 12/1999 xây dựng nhà và sử dụng cho đến nay, không có tranh chấp, không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ Bản đồ hiện trạng, vị trí được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt số 18426/GĐ-TNMT ngày 22 tháng 4 năm 2002 thể hiện nhà, đất tọa lạc tại vị trí thuộc một phần thửa 568 tờ bản đồ số 7 (theo tài liệu 02/CT-UB) tại phường Long Thạnh Mỹ nằm trong phạm vi giải tỏa dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố tại Quận 9, Thành phố H với diện tích khuôn viên giải tỏa toàn phần là 147m².

Trên cơ sở nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ ông Lê Đôn A (cha của ông Lê Đôn T) nêu trên, Ủy ban nhân dân quận 9 đã xác định tổng diện tích trong ranh giải tỏa là 147m², trong đó: phần diện tích đất ở là 100m² được bồi thường theo đơn giá đất ở, phần diện tích 47m² được bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Hộ ông Lê Đôn A không đủ điều kiện tái định cư bằng nền đất do hộ ông Lê Đôn A có hộ khẩu thường trú tại Nghệ An. Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-UB ngày 01/11/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong Khu quy hoạch xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố tại Quận 9, Thành phố H, Văn bản số 1318/UB-ĐB ngày 15/3/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố H và Thông báo số 247/TB-VP ngày 11/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, Ủy ban nhân dân quận 9 đã ban hành Quyết định số 480/QĐ-UBND-BBT ngày 11/3/2009 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng quy định Luật Đất đai năm 2003, Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Tại Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao ngày 27/02/2009 do Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng quận 9 đã lập đã bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với nhà, đất của ông Lê Đôn A như sau:

- Phần diện tích đất ở là 100m² được bồi thường theo đơn giá đất ở, phần diện tích 47m² được bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm.
- Bồi thường, hỗ trợ đối với cấu trúc xây dựng: nhà và vật kiến trúc khác.
- Về tái định cư: Hộ ông Lê Đôn T đủ điều kiện mua một căn hộ chung cư theo giá bảo toàn vốn.

Ông Lê Đôn A được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 117.502.000 đồng.

Tại Bảng chiết tính bổ sung giá trị hỗ trợ ngày 22/7/2011 và ngày 27/9/2013 cho thấy ông Lê Đôn T còn được nhận số tiền hỗ trợ bổ sung giá trị đất ở với diện tích 25,20m² và diện tích 0.20m², mức hỗ trợ đối với căn hộ chung cư theo giá bảo toàn vốn là 1.800.000 đồng với tổng số tiền là 45.360.000 đồng và 360.000 đồng theo Quyết định số 1314/QĐ-UBND-BBT ngày 29/7/2011 và Quyết định số

1557/QĐ-UBND-BBT ngày 04/10/2013 của Ủy ban nhân dân Quận 9. Do ông Lê Đôn T mua một căn hộ chung cư theo giá bảo toàn vốn với diện tích 74,8m², nên căn cứ Văn bản số 2380/UBND-ĐTMT ngày 16/4/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 1314/QĐ-UBND-BBT ngày 29/7/2011 và Quyết định số 1557/QĐ-UBND-BBT ngày 04/10/2013 là đúng quy định pháp luật.

Trên cơ sở bản đồ vị trí số 22162/TTĐĐBĐ-CNTĐ do Trung tâm Đo đạc bản đồ lập trên nền tài liệu Bản đồ lập theo Chỉ thị 02/CT-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt ngày 04/12/2018 và Bản đồ vị trí số 1302/HĐTV-BQLKCNC/18 ngày 10/4/2018 do Công ty TNHH Địa Tin Học lập đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt ngày 17/4/2018, xác định vị trí, diện tích, loại đất và tài sản trên đất của hộ gia đình ông Lê Đôn T bị thu hồi đất thuộc phần diện tích 40,997^{ha} nằm trong ranh Khu Công nghệ cao tại Quận 9, Thành phố H đã xác định cụ thể diện tích 143,8m² thuộc một phần thửa 568, tờ bản đồ số 7 (theo Tài liệu 02/CT-UB) tại phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9 (nay là thành phố T).

Theo Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bị thu hồi đất thuộc phần diện tích 40,997ha nằm trong ranh quy hoạch dự án Khu Công nghệ cao theo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17/8/2017 của Văn phòng Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố H và Quyết định số 4624/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, ngày 03/12/2020 Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 553/QĐ-UBND về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Lê Đôn T. Tại Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung thuộc phần diện tích 40,997ha nằm trong ranh quy hoạch dự án Khu Công nghệ cao Thành phố H ngày 30/11/2020: bồi thường bổ sung đối với diện tích 100m² với đơn giá bồi thường đất ở hẻm còn lại, vị trí 3 đường Lê Văn Việt là 4.510.000đ/m²; Phần diện tích 43,8m² với đơn giá bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm không mặt tiền đường Lê Văn Việt là 833.000đ/m², ông Lê Đôn T được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 993.660.721 đồng. Ngoài ra ông Lê Đôn T còn nhận các khoản hỗ trợ tiền lãi suất ngân hàng và tiền hỗ trợ do chậm chi trả.

Tại Biên bản giao nhận căn hộ chung cư tái định cư số 149/BBGNNCCC ngày 17/8/2011 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9, cho thấy ông Lê Đôn T đã nhận căn hộ chung cư số 5.01 lô C tại Chung cư C3, C4 đường Man Thiện phường Hiệp Phú, quận 9, Thành phố H và hộ ông Lê Đôn T đã được Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03788 ngày 23/4/2018. Hội đồng xét xử nhận thấy tại thời điểm nhận Quyết định số 480/QĐ-UBND-BBT ngày 11/3/2009, hộ

ông Lê Đôn A không khiếu nại cũng như khiếu kiện và cho đến thời điểm này Quyết định số 480/QĐ-UBND-BBT ngày 11/3/2009 chưa bị hủy, sửa bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đồng thời hộ ông Lê Đôn T đã nhận các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ và căn hộ chung cư tái định cư. Đến ngày 03/12/2020, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 553/QĐ-UBND về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Lê Đôn T do phần đất của ông T thuộc phần diện tích 40,997ha nằm trong ranh quy hoạch dự án Khu Công nghệ cao theo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17/8/2017 của Văn phòng Chính phủ, đây là quyết định bồi thường bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ, phía người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Như vậy, Ủy ban nhân dân quận 9 (nay là Thành phố T) đã ban hành Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và các quyết định hành chính về bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ nêu trên đối với hộ ông Lê Đôn T là đúng quy định Luật Đất đai năm 2013.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 9 (nay là Thành phố T) ban hành Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 về việc về việc giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Lê Đôn T là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đôn T về việc yêu cầu hủy các quyết định gồm: Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T. Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Lê Đôn T đối với toàn bộ nhà và đất tại thửa đất số 568, tờ bản đồ số 7 (Tài liệu 02/CT-UB), tọa lạc tại: Nhà không số, tổ 6, ấp Mỹ Thành, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố T bằng đơn giá đất ở theo giá thị trường và hỗ trợ 01 nền tái định cư.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H về nội dung vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Về án phí hành chính sơ thẩm: ông Lê Đôn T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đôn T về việc hủy các quyết định gồm: Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân quận 9 (nay là thành phố T); Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Lê Đôn T đối với toàn bộ nhà và đất tại thửa đất số 568, tờ bản đồ số 7 (Tài liệu 02/CT-UB), tọa lạc tại: Nhà không số, tổ 6, ấp Mỹ Thành, phường Long Thanh Mỹ, thành phố T bằng đơn giá đất ở theo giá thị trường và hỗ trợ 01 nền tái định cư.

2/ Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Đôn T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng Án phí, lệ phí tòa án số: AA/2021/0003549 ngày 24/11/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Lê Đôn T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo luật định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Phụng